

Bản án số: 01/2025/KDTM- ST

Ngày: 16/5/2025

*“ V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng ”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY-TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Việt

Bà Nguyễn Thị Hồng Minh

- Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thương, Thư ký viên chính Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 12/2024/TLST-KDTM ngày 17/12/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-KDTM ngày 17/3/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần C, địa chỉ: 108 T, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh B, chức vụ: Chủ tịch HĐQT;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Thế M - Phó Giám đốc Chi nhánh Quảng Bình. Người được ủy quyền tham gia tố tụng ông Nguyễn Trung T, Phó Phòng tổng hợp và bà Phạm Thị Tô L, nhân viên thu nợ Ngân hàng TMCP C Chi nhánh Quảng Bình, địa chỉ: Số 50 L, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, bà L có mặt.

Bị đơn: Hộ kinh doanh bà Trần Thị L, sinh năm 1977, địa chỉ: Số 53 đường L, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/11/2024 và bản tự khai ngày 09/01/2025, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Thế M cũng như người được ủy quyền tham gia tố tụng ông Nguyễn Trung T, bà Phạm Thị Tô L đều trình bày: Ngân hàng TMCP C Chi nhánh Quảng Bình, Phòng giao dịch Lệ Thủy với bà Trần Thị L, bà Lê Thị Hoài Th có ký kết các hợp đồng vay vốn như sau:

1. Hợp đồng cho vay số 3245/2019-HĐCV/NHCT470 và giấy nhận nợ số 01 ngày 15/11/2019; với nội dung: Ngân hàng TMCP C cho bà Trần Thị L (chủ hộ kinh

doanh) vay số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng); thời hạn 60 tháng; phương thức cho vay: Từng lần; mục đích vay: Thanh toán nguồn vốn đã huy động từ người thân mua đất; lãi suất: Áp dụng lãi suất cho vay thả nổi, lãi suất tại thời điểm nhận nợ là 10.0%/năm; kỳ hạn trả lãi: 01 tháng/kỳ, gốc 03 tháng/kỳ. Tổng số tiền đã giải ngân 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng).

Tổng số tiền gốc và lãi đã trả tính đến ngày 29/11/2024 là: Gốc 520.000.000 đồng; lãi 331.198.144 đồng.

2. Hợp đồng cho vay hạn mức số: 867008999693/2023-HĐCVHM/NHCT470 ngày 18/12/2023, với nội dung Ngân hàng cho bà Trần Thị L và chị Lê Thị Hoài Th vay số tiền 2.150.000.000 đồng (hai tỷ một trăm năm mươi triệu đồng); thời hạn duy trì hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay 06 tháng kể từ ngày nhận nợ; phương thức cho vay: Hạn mức; mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh bán buôn gia cầm; kỳ hạn trả lãi: 01 tháng/kỳ; kỳ hạn trả nợ gốc: cụ thể theo từng giấy nhận nợ nhưng không quá 6 tháng. Lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất thả nổi, lãi suất tại thời điểm nhận nợ 9.0%/năm. Theo giấy nhận nợ số 01 ngày 19/12/2023 và giấy nhận nợ số 02 ngày 20/12/2023. Tổng số tiền đã giải ngân là: 2.150.000.000 đồng (hai tỷ một trăm năm mươi triệu đồng).

Tổng số tiền gốc đã trả: không; tổng số tiền lãi đã trả đến ngày 29/11/2024 là 45.880.681 đồng.

Tài sản bảo đảm khoản vay: Bà Trần Thị L ký thế chấp với Ngân hàng 03 tài sản:

Hợp đồng thế chấp số 194060591- CL 784723/2019/HĐBĐ/NHCT470 ngày 13/11/2019 là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL784723 số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 01834 do sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 09/02/2018 mang tên bà Trần Thị L, thửa đất số 06, tờ bản đồ số 02, diện tích 504,0m² tại thôn M, xã C, huyện L, tỉnh Quảng Bình và tài sản gắn liền với đất là nhà ở cấp 3 diện tích xây dựng 200m², diện tích sàn 410m² tại thôn M, xã C, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Tổng giá trị tài sản thế chấp được định giá ngày 18/12/2023 là 4.367.280.000 đồng.

Hợp đồng thế chấp số 194060591 - CR399504/2019/HĐBĐ/NHCT470, ngày 16/10/2019 là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận số CR 399504 do sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 28/5/2019 mang tên Trần Thị L, tại thửa đất số 106; tờ bản đồ số 40; diện tích 127,2m² và tài sản gắn liền với đất là một nhà ở cấp 4, diện tích xây dựng 58,5m², địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Tổng giá trị tài sản thế chấp hai bên thỏa thuận tại thời điểm định giá là: 542.900.000 đồng được công chứng tại Văn phòng Công chứng Lê Ngọc L số 35, đường T, thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình và đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện Lệ Thủy vào ngày 16/10/2019.

Hợp đồng thế chấp số 194060591 - 73A10885/2019/HĐBĐ/NHCT470 ngày 13/11/2019, xe ô tô con nhãn hiệu KIA, số loại: RONDO biển kiểm soát 73A-108.85; 07 chỗ ngồi, màu sơn đen; giá trị tài sản được định giá ngày 13/11/2019 là 610.000.000 đồng.

Kể từ ngày 15/4/2024, bà L và chị Th bắt đầu vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại các hợp đồng, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ sang nợ quá hạn kể từ ngày 15/4/2024. Nợ còn theo các hợp đồng tính đến ngày xét xử 16/5/2025, cụ thể:

Hợp đồng cho vay số 3245/2019-HĐCV/NHCT470 ngày 15/11/2019 là 480.000.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh từ ngày 15/4/2024 nhưng Ngân hàng yêu cầu trả số tiền tương ứng với tỷ lệ bảo đảm tài sản thế chấp xe ô tô con là: 210.027.726 đồng, trong đó nợ gốc: 181.579.874 đồng; nợ lãi trong hạn: 23.070.682 đồng; nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử 5.377.170 đồng.

Hợp đồng cho vay hạn mức số 867008999693/2023-HĐCVHM/NHCT470 ngày 18/12/2023 số tiền còn nợ Ngân hàng về gốc là 2.150.000.000 đồng và lãi phát sinh từ ngày 15/4/2024 nhưng Ngân hàng yêu cầu trả số tiền tương ứng với tỷ lệ bảo đảm tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và nhà ở tại xã A, huyện L, tỉnh Quảng Bình là: 377.916.742 đồng, trong đó: Nợ gốc: 330.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 34.556.436 đồng; lãi quá hạn tính đến ngày xét xử 13.360.306 đồng.

Tổng nợ của hai hợp đồng cả gốc và lãi là: 587.944.468 đồng.

Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với bà L và chị Th để yêu cầu trả nợ nhưng bà L và chị Th không thực hiện, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, gây khó khăn đến việc thu hồi vốn. Vì vậy, để đảm bảo thu hồi nợ, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị L và chị Lê Thị Hoài Th phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền của hai hợp đồng trên tương ứng với nghĩa vụ bảo đảm của 02 tài sản thế chấp là xe ô tô con và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại xã A, huyện L và tiếp tục chịu lãi trên số tiền chưa thanh toán kể từ khi xét xử đến khi thi hành án xong, theo mức lãi thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng, đồng thời yêu cầu xử lý 02 tài sản bảo đảm mà bà L đã thế chấp để thu hồi khoản nợ.

Phần dư nợ còn lại theo hai hợp đồng nêu trên tương ứng với phần tài sản thế chấp tại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 02 tại xã C, huyện L Ngân hàng sẽ xử lý sau.

Bị đơn bà Trần Thị L vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa lần thứ hai, tuy trong giai đoạn hòa giải, bà L không chấp hành theo thông báo của Tòa án nhưng có 01 lần bà L tự đến, được Thẩm phán cho tiếp cận chứng cứ và hướng dẫn viết bản khai nhưng bà L không viết.

Quá trình giải quyết, đại diện nguyên đơn đề nghị Tòa án lấy kết quả xem xét thẩm định tại chỗ tài sản bảo đảm thửa đất số 106, tờ bản đồ 40 tại thôn T, xã A vào ngày 29/7/2024, do Tòa án tổ chức xem xét thẩm định tại chỗ tài sản bảo đảm khoản vay, đối với vụ án thụ lý lần trước vào năm 2024 sau đó đã đình chỉ.

Kết quả: Về quyền sử dụng đất tại thửa 106, tờ bản đồ số 40, diện tích 127,2m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 399504 UBND huyện L cấp ngày 28/5/2019 mang tên bà Trần Thị L. Buổi xem xét thẩm định vắng mặt chủ sử dụng đất bà Trần Thị L nên Hội đồng xác định ranh giới thửa đất theo hàng rào đã có và các hộ liền kề chỉ dẫn, kết quả diện tích thửa đất số 106 có diện tích thực tế

122,4m². Đại diện nguyên đơn chấp nhận đề nghị tuyên bố xử lý tài sản bảo đảm với diện tích đất thẩm định thực tế tại thửa đất 106 là 122,4m².

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án được đảm bảo đúng thủ tục quy định của pháp luật, riêng bị đơn bà Trần Thị L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên đề nghị căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án; về nội dung: Căn cứ các hợp đồng tín dụng, các giấy nhận nợ, các hợp đồng thế chấp, các giấy thông báo nợ, giấy mời làm việc của Ngân hàng, kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Kiểm sát viên nhận thấy: Việc bà Trần Thị L vay vốn tại ngân hàng đối với Hợp đồng cho vay số 3245/2019-HĐCV/NHCT470 ngày 15/11/2019 là 1.000.000.000 đồng, quá trình thực hiện hợp đồng, bà L đã trả gốc 520.000.000 đồng, tiền lãi đã trả 331.198.144 đồng, số tiền gốc còn nợ 480.000.000 đồng và lãi, từ ngày 15/4/2024 bà L không tiếp tục trả gốc và lãi. Hợp đồng cho vay hạn mức số 867008999693/2023-HĐCVHM/NHCT470 ngày 18/12/2023, với số tiền gốc vay 2.150.000.000 đồng, quá trình thực hiện hợp đồng, bà L chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, chỉ mới trả một phần lãi là 45.880.681 đồng, từ ngày 15/4/2024 đến nay bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc nợ lãi. Như vậy, bà Trần Thị L đã vi phạm nghĩa vụ đã cam kết trong 02 hợp đồng nói trên. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 12 Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; các Điều 292, 317, 318, 320, 321, 322, 323, 357, 463, 466, 468, 500 của Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn bà Trần Thị L phải trả cho Ngân hàng TMCP C- Chi nhánh Quảng Bình số tiền nợ theo 2 hợp đồng đến ngày xét xử là: 587.944.468 đồng, trong đó nợ gốc của 02 hợp đồng là 511.579.874 đồng, nợ lãi trong hạn: 57.627.118 đồng, nợ lãi quá hạn đến ngày xét xử: 18.737.476 đồng, đồng thời tuyên, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (16/5/2025) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong 02 Hợp đồng cho vay. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền nêu trên, thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của bà Trần Thị L theo 02 hợp đồng thế chấp trên, để thu hồi nợ; về án phí: Toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên đề nghị buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí có giá ngạch của vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi và tranh luận tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C Chi nhánh Quảng Bình, buộc bà Trần Thị L và chị Lê Thị Hoài Th phải có nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi theo 02 hợp đồng tín dụng. Bà L có giấy phép đăng ký kinh doanh nên đây là tranh chấp hợp đồng về kinh doanh thương mại theo khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự; chị Lê Thị Hoài Th cùng ký vào hợp đồng cho vay hạn mức ngày 18/12/2023 với tư cách người trong gia đình liên đới nghĩa vụ trả nợ nhưng không cụ thể, đồng thời các tài sản bảo đảm các khoản vay đều là tài sản của bà L, chị Th không đưa tài sản gì vào thế chấp bảo đảm khoản vay nên Hội đồng xét xử không đưa chị Th vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi liên quan như Ngân hàng C yêu cầu. Bị đơn bà Trần Thị L có địa chỉ cư trú tại: Số nhà 53 đường L, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình nhưng tại thời điểm ký kết 02 hợp đồng nêu trên, bà L có địa chỉ thường trú tại: Thôn M, xã C, huyện L, tỉnh Quảng Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; bà L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập nên Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1. Về yêu cầu thực hiện một phần nghĩa vụ của hai hợp đồng tín dụng tương ứng với 02 tài sản bảo đảm như nêu trên, Hội đồng xét xử thấy: Theo lời trình bày của đại diện nguyên đơn, đối chiếu với các hợp đồng tín dụng và chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án, cũng như quá trình xét hỏi công khai tại phiên tòa cho thấy, hộ kinh doanh bà Trần Thị L đã ký kết với Ngân hàng C Chi nhánh Quảng Bình, Phòng giao dịch Lệ Thủy, 02 hợp đồng tín dụng, với nội dung về số tiền gốc vay, thời hạn vay, mức lãi suất, kỳ trả nợ đều đúng như nguyên đơn trình bày và phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với Hợp đồng cho vay số 3245/2019-HĐCV/NHCT470 ngày 15/11/2019 là 1.000.000.000 đồng, quá trình thực hiện hợp đồng, bà L đã trả gốc 520.000.000 đồng, tiền lãi đã trả 331.198.144 đồng, số tiền gốc còn nợ 480.000.000 đồng và lãi, từ ngày 15/4/2024 bà L không tiếp tục trả gốc và lãi là vi phạm nghĩa vụ của người vay đã cam kết trong hợp đồng. Hợp đồng cho vay hạn mức số 867008999693/2023-HĐCVHM/NHCT470 ngày 18/12/2023, với số tiền gốc vay 2.150.000.000 đồng, quá trình thực hiện hợp đồng, bà L chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, chỉ mới trả một phần lãi là 45.880.681 đồng, từ ngày 15/4/2024 đến nay bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc nợ lãi là vi phạm nghĩa vụ đã cam kết trong hợp đồng. Do đó Ngân hàng khởi kiện Hợp đồng số 3245/2019-HĐCV/NHCT470 ngày 15/11/2019 với số tiền gốc 181.579.874 đồng và lãi phát sinh tương ứng với tỷ lệ bảo đảm tài sản thế chấp là xe ô tô con; số tiền vay gốc còn nợ của hợp đồng số 867008999693/2023-HĐCVHM/NHCT470 ngày 18/12/2023 tương ứng với tỷ lệ tài sản bảo đảm thế chấp là quyền sử dụng đất và nhà ở tại xã A, huyện L, tỉnh Quảng Bình là: 330.000.000 đồng và lãi phát sinh cho đến ngày xét xử, đồng thời tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi thanh toán xong; yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm theo hai hợp đồng thế chấp trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo hòa giải nhiều lần, với mục đích động viên thuyết phục hai bên tìm ra giải pháp cho bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bị đơn bà Trần Thị L đều vắng mặt, chứng tỏ bà L không có thiện chí và tích cực hợp tác nên Ngân hàng rất khó khăn trong việc thu hồi vốn và mất niềm tin. Tại phiên tòa Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thực hiện một phần nghĩa vụ thanh toán cả gốc và lãi đến ngày xét xử theo nội dung yêu cầu trên và tiếp tục chịu lãi phát sinh sau ngày tuyên án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền yêu cầu theo các hợp đồng tín dụng là có căn cứ.

[2.2]. Về tài sản bảo đảm khoản vay: Các Hợp đồng thế chấp tài sản được ký kết giữa Ngân hàng với người vay bà Trần Thị L, thể hiện sự cam kết giữa bên có nghĩa vụ (bà Trần Thị L) với bên có quyền (Ngân hàng C) nếu khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bên có quyền được xử lý hoặc yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Sự thỏa thuận trên hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo đúng trình tự quy định, nội dung hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật có hiệu lực. Căn cứ thời gian vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, nếu bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thì nguyên đơn có quyền xử lý tài sản thế chấp hoặc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ đối với bị đơn. Do sau nhiều lần vi phạm thời hạn trả nợ mà bị đơn không hợp tác xử lý tài sản thế chấp nên hiện nay Ngân hàng C Chi nhánh Quảng Bình yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là xe ô tô con nhãn hiệu KIA và quyền sử dụng đất của bà L tại thửa 106, tờ bản đồ số 40 tại thôn T, xã A, huyện L, tỉnh Quảng Bình theo hai hợp đồng thế chấp nêu trên để thu hồi khoản nợ tương ứng là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C Chi nhánh Quảng Bình, để buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử, tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh của khoản nợ sau ngày tuyên án cho đến khi trả hết nợ gốc, lãi, đồng thời xử lý tài sản bảo đảm theo 02 hợp đồng thế chấp là có căn cứ, phù hợp với pháp luật.

[3]. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Đại diện nguyên đơn đã tạm nộp 5.000.000 đồng nhưng sau đó đại diện nguyên đơn có văn bản yêu cầu sử dụng kết quả thẩm định vào ngày 29/7/2024 của vụ án trước nên trả lại tại phiên tòa cho đại diện nguyên đơn số tiền trên.

[4]. Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn bà Trần Thị L phải chịu án phí của vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với số tiền phải trả nợ cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12 Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; các Điều 292, 317, 318, 320, 321, 322, 323, 357, 463, 466, 468, 500 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C - Chi nhánh Quảng Bình.
- Buộc bà Trần Thị L phải trả cho Ngân hàng C- Chi nhánh Quảng Bình số tiền nợ theo 2 hợp đồng:

Hợp đồng cho vay số 3245/2019-HĐCV/NHCT470 ngày 15/11/2019 là: 210.027.726 đồng, trong đó nợ gốc: 181.579.874 đồng; nợ lãi trong hạn: 23.070.682 đồng; nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử (16/5/2025) là: 5.377.170 đồng.

Hợp đồng cho vay hạn mức số 867008999693/2023-HĐCVHM/NHCT470 ngày 18/12/2023 số tiền là: 377.916.742 đồng, trong đó: Nợ gốc: 330.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 34.556.436 đồng; lãi quá hạn tính đến ngày xét xử (16/5/2025) là: 13.360.306 đồng.

Tổng nợ của hai hợp đồng cả gốc và lãi là: 587.944.468 đồng.

Tiền nợ gốc và tiền nợ lãi nói trên phải trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án.

Tài sản bảo đảm:

Hợp đồng thế chấp số 194060591 - 73A10885/2019/HĐBĐ/NHCT470 ngày 13/11/2019, xe ô tô con nhãn hiệu KIA, số loại: RONDO biển kiểm soát 73A-108.85, 07 chỗ ngồi, màu sơn đen. Giá trị tài sản được định giá ngày 13/11/2019 là 610.000.000 đồng, đã được công chứng tại Văn phòng Công chứng Lê Ngọc Lệ số 35, đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Kiến Giang, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình; Hợp đồng thế chấp số 194060591 - CR399504/2019/HĐBĐ/NHCT470, ngày 16/10/2019 là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận số CR 399504 do sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày cấp ngày 28/5/2019 mang tên Trần Thị L, tại thửa đất số 106; tờ bản đồ số 40; diện tích 127,2m², theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thửa đất số 106, tờ bản đồ số 40 có diện tích thực tế 122,4m² và tài sản gắn liền với đất là một nhà ở cấp 4, diện tích xây dựng 58,5m², địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Tổng giá trị tài sản thế chấp hai bên thỏa thuận tại thời điểm định giá là: 542.900.000 đồng được công chứng tại Văn phòng Công chứng Lê Ngọc Lệ số 35, đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Kiến Giang, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình và đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện Lệ Thủy vào ngày 16/10/2019. Toàn bộ tài sản trên là tài sản thế chấp để bảo đảm nghĩa vụ thi hành án dân sự của bà Trần Thị L. Ngân hàng C – Chi nhánh Quảng Bình có trách nhiệm chuyển giao các giấy tờ liên quan đến tài sản thế

chấp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình xử lý khi có đơn yêu cầu thi hành án, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để bảo đảm nghĩa vụ thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (16/5/2025) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số 3245/2019-HĐCV/NHCT470 ngày 15/11/2019 và Hợp đồng cho vay hạn mức số 867008999693/2023-HĐCVHM/NHCT470 ngày 18/12/2023, giữa Ngân hàng C - Chi nhánh Quảng Bình với bà Trần Thị L.

2. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Trả lại tại phiên tòa cho Ngân hàng C - Chi nhánh Quảng Bình số tiền 5.000.000 đồng, mà Tòa án đã tạm thu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

3. Án phí: Bà Trần Thị L phải chịu án phí vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch 27.517.778 đồng; trả lại cho Ngân hàng C - Chi nhánh Quảng Bình số tiền tạm ứng án phí 13.012.530 đồng (bà Phạm Thị Tố L đã nộp) theo biên lai số: 0004495 ngày 17/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đại diện nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 16/5/2025, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết, đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h. Lệ Thủy;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS h. Lệ Thủy;
- Lưu HS;
- Lưu Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Thị Nhân